

Số: 158.2020/QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc mở rộng phạm vi công nhận phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc qui định tổ chức và hoạt động của Tổ chức công nhận;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc qui định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận mở rộng phạm vi thử cho:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 (QUATEST 3)
PHÒNG THỬ NGHIỆM HÀNG TIÊU DÙNG

mang số hiệu **VILAS 004** với danh mục các phép thử mở rộng kèm theo quyết định này.

Điều 2: Phụ lục Quyết định này bổ sung cho phụ lục Quyết định số 1000.2019/QĐ-VPCNCL ngày 23 tháng 12 năm 2019.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *q/v*

Nơi nhận:

- Cơ sở được đánh giá;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC
VŨ XUÂN THỦY



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 158.2020 / QĐ - VPCNCL ngày 26 tháng 02 năm 2020
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (QUATEST 3)
Phòng Thử nghiệm Hàng tiêu dùng

Laboratory: Quality Assurance and Testing Center 3 (QUATEST 3)
Consumer Products Testing Laboratory

Cơ quan chủ quản: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Organization: Directorate for Standards, Metrology and Quality

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

Người quản lý/ Trương Thanh Sơn

Laboratory
management:

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Nguyễn Phước Hải	Các phép thử được công nhận của Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng / Accredited tests of Consumer Products Testing Lab
2.	Nguyễn Thị Thùy Nhi	

Số hiệu/ Code: VILAS 004

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: 09/08/2021

Địa chỉ/ Address: Số 7 đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
No 7, 1 road, Bien Hoa 1 Industrial Park, Bien Hoa city, Dong Nai Province

Địa điểm/ Location: Lô C5 đường K1, KCN Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh
Lot C5, K1 Street, Cat lai IDZ, District 2, Ho Chi Minh City

Điện thoại/ Tel: 0251 383 6212 Fax: 0251 383 6212

E-mail: qt-qatesting@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTEND ACCREDITED TESTS

VILAS 004

Phòng Thử nghiệm Hàng tiêu dùng Consumer Products Testing Laboratory

Lĩnh vực thử nghiệm:

Cơ

Field of testing:

Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Sân phẩm bàn & ghế theo yêu cầu tiêu chuẩn Châu Âu <i>Table & chair products according to European Standards</i>	Thử lật phía trước <i>Forwards overturning</i>		EN 1022:2018, clause 7.3.1
2.		Thử lật phía trước cho ghế có gác chân <i>Forwards overturning for seating with foot rest</i>		EN 1022:2018, clause 7.3.2
3.		Thử ổn định góc <i>Corner stability test</i>		EN 1022:2018, clause 7.3.3
4.		Thử lật hướng cạnh cho ghế không có tay ghế <i>Sideways overturning, all seating without arms</i>		EN 1022:2018, clause 7.3.4
5.		Thử lật hướng ngang cho các loại ghế khác <i>Sideways overturning, all other seating</i>		EN 1022:2018, clause 7.3.5
6.		Thử lật phía sau cho các ghế có lưng ghế <i>Rearwards overturning, all seating with back rests</i>		EN 1022:2018, clause 7.3.6
7.		Thử lật ghế nghiêng <i>Tilting seating test</i>		EN 1022:2018, clause 7.4.2
8.		Ghế ngả nằm có đỡ chân <i>Reclining seating with leg rest</i>		EN 1022:2018, clause 7.4.3
9.		Ghế ngả nằm không có đỡ chân <i>Reclining seating without leg rest</i>		EN 1022:2018, clause 7.4.4
10.		Thử ổn định sau cho ghế bập bênh <i>Rearwards stability for rocking chairs</i>		EN 1022:2018, clause 7.4.5
11.		Thử lật phía trước (Ghế dựa dài) <i>Forwards overturning (Lounger)</i>		EN 1022:2018, clause 8.3.1
12.		Thử lật hướng cạnh (Ghế dựa dài) <i>Sideways overturning (Lounger)</i>		EN 1022:2018, clause 8.3.2
13.		Thử tải tĩnh mặt ngồi và lưng ghế <i>Seat static load and back static load test</i>		EN 1728:2012, clause 6.4
14.		Thử tải tĩnh cạnh trước mặt ngồi <i>Seat front edge static load</i>		EN 1728:2012, clause 6.5
15.		Thử tải tĩnh gác chân <i>Foot rest static test</i>		EN 1728:2012, clause 6.8
16.		Thử tải tĩnh hướng ngang tay ghế <i>Arm rest sideways static load test</i>		EN 1728:2012, clause 6.10

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTEND ACCREDITED TESTS

VILAS 004

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
17.	Sản phẩm bàn & ghế theo yêu cầu tiêu chuẩn Châu Âu <i>Table & chair products according to European Standards</i>	Thử tải tĩnh tay ghế <i>Arm rest static load test</i>		EN 1728:2012, clause 6.11
18.		Thử tải tĩnh chân ghế hướng trước <i>Leg forward static load test</i>		EN 1728:2012, clause 6.15
19.		Thử tải tĩnh chân ghế hướng cạnh <i>Leg sideways static load test</i>		EN 1728:2012, clause 6.16
20.		Thử mối kết hợp mặt ngồi và lưng ghế <i>Combined Seat and back durability test</i>		EN 1728:2012, clause 6.17
21.		Thử mối cạnh trước mặt ngồi <i>Seat front edge durability test</i>		EN 1728:2012, clause 6.18
22.		Thử mối cho ghế có nhiều vị trí lưng ghế <i>Durability test on seating with a multi- position back rest</i>		EN 1728:2012, clause 6.19
23.		Thử mối tay ghế <i>Arm rest durability test</i>		EN 1728:2012, clause 6.20
24.		Thử va đập mặt ngồi <i>Seat impact test</i>		EN 1728:2012, clause 6.24
25.		Thử va đập phía sau <i>Back impact test</i>		EN 1728:2012, clause 6.25
26.		Thử lật phía sau <i>Backward fall test</i>		EN 1728:2012, clause 6.28
27.		Thử tải tĩnh bổ sung cho mặt ngồi và đỡ chân (Ghế dựa dài) <i>Additional seat and leg rest static load test</i>		EN 1728:2012, clause 8.3
28.		Thử mối bổ sung cho mặt ngồi (Ghế dựa dài) <i>Additional seat durability test</i>		EN 1728:2012, clause 8.4.2
29.		Thử va đập (Ghế dựa dài) <i>Impact test</i>		EN 1728:2012, clause 8.8
30.		Thử nâng cho ghế di động (Ghế dựa dài) <i>Lifting test for mobile</i>		EN 1728:2012, clause 8.9
31.		Thử tải tĩnh hướng ngang <i>Horizontal static load test</i>		EN 1730:2012, clause 6.2
32.		Thử tải tĩnh hướng đứng <i>Vertical static load test</i>		EN 1730:2012, clause 6.3
33.		Thử mối ngang <i>Horizontal durability test</i>		EN 1730:2012, clause 6.4
34.		Thử mối thẳng đứng đối với bàn có bộ chân <i>Vertical durability test for cantilever or pedestal tables</i>		EN 1730:2012, clause 6.5

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTEND ACCREDITED TESTS

VILAS 004

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
35.	Sản phẩm bàn & ghế theo yêu cầu tiêu chuẩn Châu Âu <i>Table & chair products according to European Standards</i>	Thử va đập thẳng đứng đối với bàn có kính <i>Vertical impact test for tables with glass in their construction</i>		EN 1730:2012, clause 6.6.1 & 6.6.2 EN 14072:2003, clause 6c
36.		Thử va đập thẳng đứng đối với bàn không có kính <i>Vertical impact test for tables without glass in their construction</i>		EN 1730:2012, clause 6.6.1 & 6.6.3
37.		Thử ổn định dưới tải thẳng đứng <i>Stability under vertical load</i>		EN 1730:2012, clause 7.1 & 7.2
38.		Thử ổn định cho bàn có phần mở rộng <i>Stability for tables with extension elements</i>		EN 1730:2012, clause 7.3
39.		Thử ổn định cho bàn có bộ phận đỡ dù <i>Stability of tables designed to support a parasol</i>		EN 1730:2012, clause 7.4
40.		Kiểm tra tổng quát <i>General test</i>		EN 581-1:2017, clause 5.1
41.		Kiểm tra an toàn các bộ phận dạng ống <i>Tubular components</i>		EN 581-1:2017, clause 5.2
42.		Các điểm cắt và kẹt <i>Shear and squeeze points</i>		EN 581-1:2017, clause 5.3
43.		Thử ổn định hướng cạnh <i>Sideways stability test</i>		EN 581-2:2015 (A.1.1)
44.		Thử ổn định hướng trước <i>Forward stability test</i>		EN 581-2:2015 (A.1.2)
45.		Thử ổn định cho bàn có phần mở rộng <i>Stability for tables with extension elements</i>		EN 12521:2015, clause 5.3.2
46.	Sản phẩm bàn & ghế theo yêu cầu tiêu chuẩn Mỹ <i>Table & chair products according to American Standards</i>	Thử va đập ngang kính <i>Horizontal Glass Impact Test</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 8
47.		Thử va đập đứng kính <i>Vertical Glass Impact Test</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 9
48.		Thử kẹt và cắt <i>Shear and Pinch Point Test</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 10
49.		Thử ổn định <i>Stability Test</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 11
50.		Thử tải chu kỳ <i>Top Load Ease Cycle Test</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 12
51.		Thử tải tập trung <i>Concentrated Load Test</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 13

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTEND ACCREDITED TESTS

VILAS 004

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
67.	Sản phẩm bàn & ghế theo yêu cầu tiêu chuẩn Mỹ <i>Table & chair products according to American Standards</i>	Thử bền khung ghế/bánh xe cho ghế có chân <i>Caster/Chair Frame Durability Test for Chairs with Legs</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 29
68.		Thử cứng vững chân - hướng trước và cạnh <i>Leg Strength Test - Front and Side Application</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 30
69.		Thử tải tĩnh chỗ để chân - thẳng đứng <i>Footrest Static Load Test -Vertical</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 31
70.		Thử bền chỗ để chân - thẳng đứng- chu kỳ <i>Footrest Durability Test -Vertical - Cyclic</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 32
71.		Thử ổn định <i>Stability test</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 33.1
72.		Thử bền lưng ghế - Thử tĩnh <i>Backrest Strength Test -Static</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 33.2
73.		Thử rơi - động <i>Drop Test -Dynamic</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 33.3
74.		Thử mỏi mặt ngồi - chu kỳ <i>Seating Durability Tests - Cyclic</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 34
75.		Thử bền tay vịn - thẳng đứng- Thử tĩnh <i>Arm Strength Test - Vertical -Static</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 35
76.		Thử bền tay vịn - phương ngang- Thử tĩnh <i>Arm Strength Test -Horizontal -Static</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 36
77.		Thử mỏi lưng tựa - Chu kỳ <i>Backrest Durability Test -Cyclic</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 37
78.		Thử bền chân - Hướng trước và cạnh <i>Leg Strength Test - Front and Side Application</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 38
79.		Thử nâng cho ghế tựa dài di động <i>Lifting Test for Mobile Chaise Lounge Chair</i>		UL 4041 (15/03/2019), Section 39
80.		Thử ổn định trước và sau cho xích đu <i>Front and rear stability test for hanging chair</i>		UL 4041 (15/03/2019), Appendix A1
81.		Thử tải tĩnh mặt ghế xích đu <i>Static load test of seat</i>		UL 4041 (15/03/2019), Appendix A2

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTEND ACCREDITED TESTS

VILAS 004

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
82.	Sản phẩm bàn & ghế theo yêu cầu tiêu chuẩn Mỹ <i>Table & chair products according to American Standards</i>	Thử tải mỗi mặt ghế xích đu (Phương pháp thay thế cho: Thử mỗi ghế - Chu kỳ) <i>Durability load test of seat (Alternative method to: Seating durability tests - Cyclic)</i>		UL 4041 (15/03/2019), Appendix A3
83.		Thử bền cơ cấu khung lắc xích đu (Phương pháp thay thế cho: Thử bền chân - Tác dụng trước và cạnh) <i>Structural strength test of the swing (Alternative method to: Leg strength test - Front and side application)</i>		UL 4041 (15/03/2019), Appendix A4
84.		Thử mỏi cơ cấu đu đưa xích đu (Phép thử bổ sung cho ghế với cơ cấu đu đưa) <i>Oscillation fatigue test (Additional test for Seating with Oscilation motion)</i>		UL 4041 (15/03/2019), Appendix A5

Ghi chú/Note:

- EN: European Standard
- UL: Underwriters Laboratories, Inc